

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

Vài nét về đạo Phật và thuyết Nhân quả

MỘNG ĐẮC^(*)

Cho đến nay, nhân loại đã trải qua ba thời kì tín ngưỡng, đó là thời kì Thần học (con người chưa văn minh, chưa phát triển, do đó, chưa giải thích được những hiện tượng như mưa, gió, sấm chớp, tinh tú, v.v... và người ta cho rằng, những hiện tượng đó do thần linh tạo ra, từ đó họ tôn thờ thần mưa, thần gió, thần sấm, thần chớp...); thời kì siêu hình học (con người dùng những thuật ngữ siêu hình, những lí thuyết trừu tượng để giải thích những hiện tượng thiên nhiên); thời kì khoa học thực nghiệm (mọi lĩnh vực của đời sống xã hội được con người dùng khoa học làm thước đo giá trị).

Ở thời kì tín ngưỡng thứ ba, các nhà duy vật biện chứng đã lên án gay gắt đối với các tôn giáo nặng về thần quyền và mê tín, nhưng đối với Phật giáo thì một số nhà khoa học đã có nhận định ngược lại với quan điểm trên.

Nhà khoa học nổi tiếng thế giới thế kỉ XX, người Mỹ gốc Do Thái, nhà vật lí học, cha đẻ của thuyết tương đối đã được giải Nobel vật lí về quang điện năm 1921 - Albert Einstein, đã nhận định về Phật giáo như sau: “Nếu có một tôn giáo nào ứng phó được với các nhu cầu của khoa học hiện đại, thì tôn giáo đó chính là Phật giáo. Phật giáo không cần phải duyệt xét lại hầu cập nhật hóa với những khám phá khoa học mới đây, Phật giáo không cần phải bỏ quan điểm của mình để theo khoa

học, vì Phật giáo không những đã bao gồm cả khoa học mà còn vượt qua cả khoa học nữa”.

Về vũ trụ, Đức Phật không nói do một đấng quyền linh nào tạo ra mà do “Nhân duyên” sinh. Ngài cho biết trong vũ trụ có “hàng hà sa số tinh tú, trong nước, trong cơ thể con người có nhiều vi trùng” (Bát vạn tứ thiên trùng). Ngài cũng không tự xưng mình là đấng quyền năng. Phật cũng không phải là đấng quyền năng. Đạo Phật là đạo giác ngộ, không phải khởi nguyên từ suy tưởng mà bằng sức sống chân thật của mình. Phật dạy những điều tự thân chứng ngộ. Phật là tâm thanh tịnh, giác ngộ, giải thoát. Đức Phật nói: “Ta không ban phước, giảng họa được cho người”. “Tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật”. Trong Kinh Pháp Hoa kể về Bồ Tát Thường Bất Khinh, vị Bồ Tát gặp ai cũng lễ lạy và nói rằng: “Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật”. Mê là chúng sinh, giác ngộ là Phật, mê giác cũng từ một tâm.

Theo Albert Einstein thì Phật giáo là khoa học vì Phật giáo nói lên bản chất của sự vật đúng lẽ thật (Như thực). Xét về thành tựu của khoa học thì hiện nay khoa học chỉ biết được những quy luật tương tác giữa “Vật với Vật” còn quy luật tương tác giữa “Tâm với Vật” giữa “Tâm với Tâm” cũng chỉ là mới bắt đầu (như tâm linh chẳng hạn).

*. Nhà nghiên cứu, Tp. Ninh Bình.

Theo đạo Phật thì Sinh - Diệt là quy luật tất yếu của vạn vật. Bất kì sự kiện nào nếu có mở đầu (Sinh) ắt phải có kết thúc (Diệt), còn nhanh hay chậm chỉ là vấn đề về thời gian mà thôi. Chu trình Sinh - Diệt này phải trải qua bốn trạng thái là: Thành - Trụ - Hoại - Diệt. Với thế giới sinh học nói chung và chúng hữu tình nói riêng thì chu trình Sinh - Diệt còn được gọi là Sinh - Lão - Bệnh - Tử. Mọi sự can thiệp, cho dù có phép thần thông màu nhiệm thì cũng chỉ có thể kéo dài chu trình chứ không thể thoát li được quy luật khắc nghiệt của tạo hóa.

Cùng với sự tồn tại của lực hấp dẫn, quan hệ Nhân - Quả là tương tác đối ứng trong vũ trụ, nó phản chiếu mối tương hỗ của vạn vật.

Vậy, nhân loại nhận thức về thuyết Nhân - Quả như thế nào?

Từ xa xưa con người đã cảm nhận được sự huyền vĩ của luật Nhân - Quả, tuy các diễn đạt có thể khác nhau.

Kinh Dịch là kiệt tác của nền văn minh Hán cổ cách đây trên 6.000 năm. Theo truyền thuyết, Kinh Dịch do vua Phục Hy tìm ra, vua Hạ Vũ bàn tiếp. Các quẻ trong Kinh Dịch hàm chứa nhiều mã thông tin, lại vận động biến hóa khôn lường. Khi lập quẻ dịch, người ta có thể giải mã thông tin để biết được trước quỹ đạo vận hành của sự vật (như đoán xem thời tiết nắng hay mưa, sự kiện sắp xảy ra lành hay dữ, v.v...). Quẻ dịch phụ thuộc vào chủ thể của sự kiện và thời điểm lập quẻ. Tuy nhiên, cho dù huyền vĩ đến mấy thì quẻ dịch cũng chỉ mô tả trước quỹ đạo vận hành của sự vật chứ không thể thay đổi được kết cục của sự vật.

Đạo Balamôn thịnh hành cách đây trên 3.000 năm cũng đưa ra thuyết Nhân - Quả nhưng phải đến thế kỉ VI trước Công nguyên, Thái tử Tất Đạt Đa

sau khi giác ngộ thành Phật (Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni) mới thực sự chứng được vai trò của luật Nhân - Quả là sự tương hỗ trong luật Nhân - Quả quyết định quỹ đạo của vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Đạo Khổng cũng nói về luật Nhân - Quả: “Ki sớ bất dục vật thi ư nhân”, nghĩa là đừng làm cho người khác cái điều mà mình không thích. Đạo Kitô cũng dạy về hiệu ứng của luật Nhân - Quả: “Con muốn lấy của ai cái gì thì hãy cho người ta thứ đó”.

Nhà vật lí học vĩ đại Newton đã trình bày hiệu ứng của luật Nhân - Quả trong cơ học chất rắn (Định luật 3 Newton): Nếu vật A tác động vào vật B một lực là F thì B cũng tác động lại A một lực là F nhưng ngược dấu (lực trực đối).

Duy vật biện chứng cũng nói đến hiệu ứng của luật Nhân - Quả: kẻ gieo gió ắt phải gặp bão. Nhân - Duyên - Quả là hệ quả của luật Nhân - Quả - Nhân - Duyên - Quả được hiển thị trong một tình huống cụ thể với khoảng không gian và thời gian giới hạn. Tuy nhiên, trong khoảng không gian và thời gian hạn chế, không phải bất cứ Nhân nào cũng kịp biến thành Quả nếu như thiếu Duyên. Trong thế giới tự nhiên cũng vậy, điều kiện để xảy ra tương tác vật lí hoặc phản ứng hóa học chẳng hạn, thì chúng phải được đặt trong môi trường tương thích hoặc phải có chất xúc tác phù hợp. Sự xúc tác ấy còn có cách gọi khác như thời cơ, điều kiện cần và đủ, tức Duyên.

Điều kiện cần và đủ để Nhân tạo Quả chỉ khi hội đủ Duyên. Nếu gọi N là yếu tố nguyên nhân (gọi tắt là Nhân), D là yếu tố xúc tác, thời cơ (gọi là Duyên) và Q là kết quả (gọi tắt là Quả) ta sẽ biểu hiện quan hệ Nhân - Duyên - Quả bằng phép toán sau: $N + D = Q$. Từ phép toán này,

ta sẽ thấy rõ hơn quan hệ Nhân - Duyên - Quả trong luật Nhân - Quả của đạo Phật.

Trường hợp 1: Không có Nhân (Nhân bằng không).

Khi $N = 0 \Rightarrow Q = 0$ với mọi D (không gieo Nhân thì không gặt Quả).

Trường hợp 2: Có Nhân không có Duyên khi $N \neq 0, D = 0 \Rightarrow Q = 0$ (vô duyên bất tương phùng).

Trường hợp 3: Có Nhân lại gặp Duyên khi $N \neq 0, D \neq 0 \Rightarrow Q \neq 0$ (Hữu duyên thiên lí năng tương ngộ).

Cùng loại Nhân nhưng có khi sinh ra nhiều loại Quả, tùy theo vị trí không gian, thời gian, môi trường, cường độ tương tác (tức tùy Duyên). Có những Nhân tàng ẩn khó tìm (hoặc do bị hạn chế về phương diện khảo nghiệm) nhưng bất kì sự kiện, hiện tượng nào cũng phải có Nhân. Nguyên nhân có trước, kết quả theo sau. Luận điểm này giúp chúng ta có thái độ thận trọng hơn trước khi làm bất kì một việc gì trong cuộc đời. Tùy Duyên mà Quả của sự kiện trước có thể trở thành Nhân của sự kiện sau và tạo ra vòng luân hồi bất tận (Kinh Phật gọi là oan oan tương báo).

Từ xưa đến nay, mối tương quan Nhân - Duyên - Quả đã chi phối vòng luân hồi và tạo ra hàng hà sa số các sắc thái trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Nhân - Quả là quy luật khách quan, nó nghiệm đúng cho mọi tương tác của các đối tượng, bao hàm cả thế giới vô tình và thế giới hữu tình. Luật Nhân - Quả phản ánh toàn bộ hình thái của tương tác vũ trụ. Sự tương tác này có thể xuyên không gian, xuyên thời gian, mọi lúc, mọi nơi, cụ thể trong tương tác vật thể, trừu tượng trong tương tác phi vật thể. Trong sự vận hành của vũ trụ, trong khoảng không gian, thời gian hạn định (bằng tuổi thọ của con người

hoặc tuổi thọ của một thể chế chính trị xã hội chẳng hạn) thì luật Nhân - Quả không phải lúc nào cũng được hiển thị một cách tường minh, dễ thấy vì không phải lúc nào Nhân cũng hội đủ Duyên để báo ứng thành Quả. Nhưng với thời gian đủ lớn, hàng nghìn, hàng triệu, thậm chí hàng tỉ năm, thì sự báo ứng của luật Nhân - Quả luôn luôn thỏa mãn.

Theo các nguồn sử liệu của Jean Fillozat (GS đại học Pháp), Edward (GS đại học London), Maurice Durant (Thành viên trường Viễn Đông Bác Cổ, Pháp), Hòa thượng Thích Đức Nghiệp (viết trong *Đạo Phật Việt Nam*), Ngô Đắc Lợi (nhà nghiên cứu khoa học Hải Phòng viết trong sách *Phật giáo văn hóa và Dân tộc*), truyện Nhất Đàm Dạ Trạch (trong *Lĩnh Nam Trích Quái*), Lưu Hàn Kì (viết trong cuốn *Giao Châu kí*), Lê Đạo Nguyên (viết trong *Thủy Kinh Chú*), Tăng Chiêu (người biên tập lại *Giao Châu kí*), Lê Quý Đôn (nhà sử học thế kỉ XVIII), Ngọc Phả Hùng Vương và qua tổng hợp phân tích dữ liệu thì đạo Phật được truyền bá vào nước ta từ thời Hùng Vương (và Thiên viện Trúc Lâm Tây Thiên, thôn Đền Thống, xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều khả năng là chiếc nôi của Phật giáo Việt Nam).

Từ xưa đến nay, trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, Phật giáo luôn luôn ở trong lòng nhân dân và dân tộc Việt Nam. Tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng đã trở thành một nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, phục vụ đời sống tâm linh của xã hội, được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Hiểu thêm về Phật giáo và thuyết Nhân - Quả trong đạo Phật giúp chúng ta có suy nghĩ, hành động đúng đắn và sống tốt hơn (Nhân nào Quả nấy), góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước phồn vinh./.